

Số: 351 /GPMT-UBND

Đồng Xoài, ngày 03 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố bổ sung Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước công bố Công bố chuẩn hóa Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

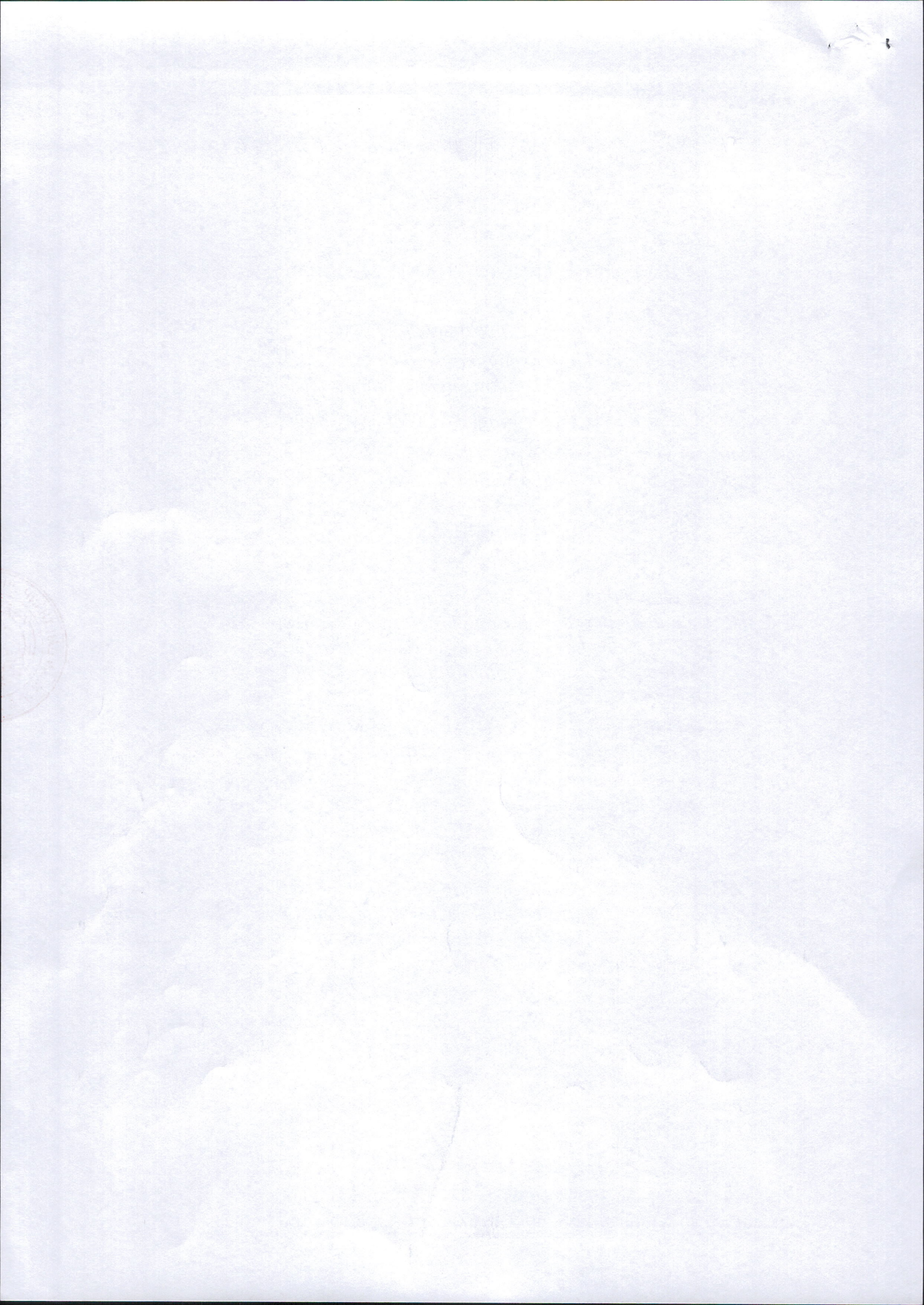
Căn cứ Biên bản Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy của Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam (Nhà máy sản xuất mũ bảo hiểm, công suất 1.300.000 mũ bảo hiểm/năm, tương đương 637 tấn-Giai đoạn 1)” ngày 12 tháng 1 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 35/GPMT-SGCVN ngày 03/5/2024 của Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam về việc chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp GPMT Dự án “Nhà máy sản xuất mũ bảo hiểm, công suất 1.300.000 mũ bảo hiểm/năm, tương đương 637 tấn-Giai đoạn 1”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 375/TTr-TN&MT ngày 30 tháng 5 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Lô 48, 60, 61, 62 Cụm A3, khu Công nghiệp Đồng Xoài 3,



xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất mũ bảo hiểm, công suất 1.300.000 mũ bảo hiểm/năm, tương đương 637 tấn-Giai đoạn 1”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Nhà máy sản xuất mũ bảo hiểm, công suất 1.300.000 mũ bảo hiểm/năm, tương đương 637 tấn-Giai đoạn 1”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 48, 60, 61, 62 Cụm A3, khu Công nghiệp Đồng Xoài 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5426975569 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 31/5/2019, thay đổi lần thứ 6, ngày 16/11/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801201828 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 05/6/2019, thay đổi lần thứ 6, ngày 04/8/2023.

1.4. Mã số thuế: 3801201828.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất mũ bảo hiểm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô 48, 60, 61, 62 Cụm A3, khu Công nghiệp Đồng Xoài 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

- Tổng diện tích: 60.217m².

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư dự án: 421.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi một tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn). Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất mũ bảo hiểm, công suất 1.300.000 mũ bảo hiểm/năm, tương đương 637 tấn-Giai đoạn 1.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

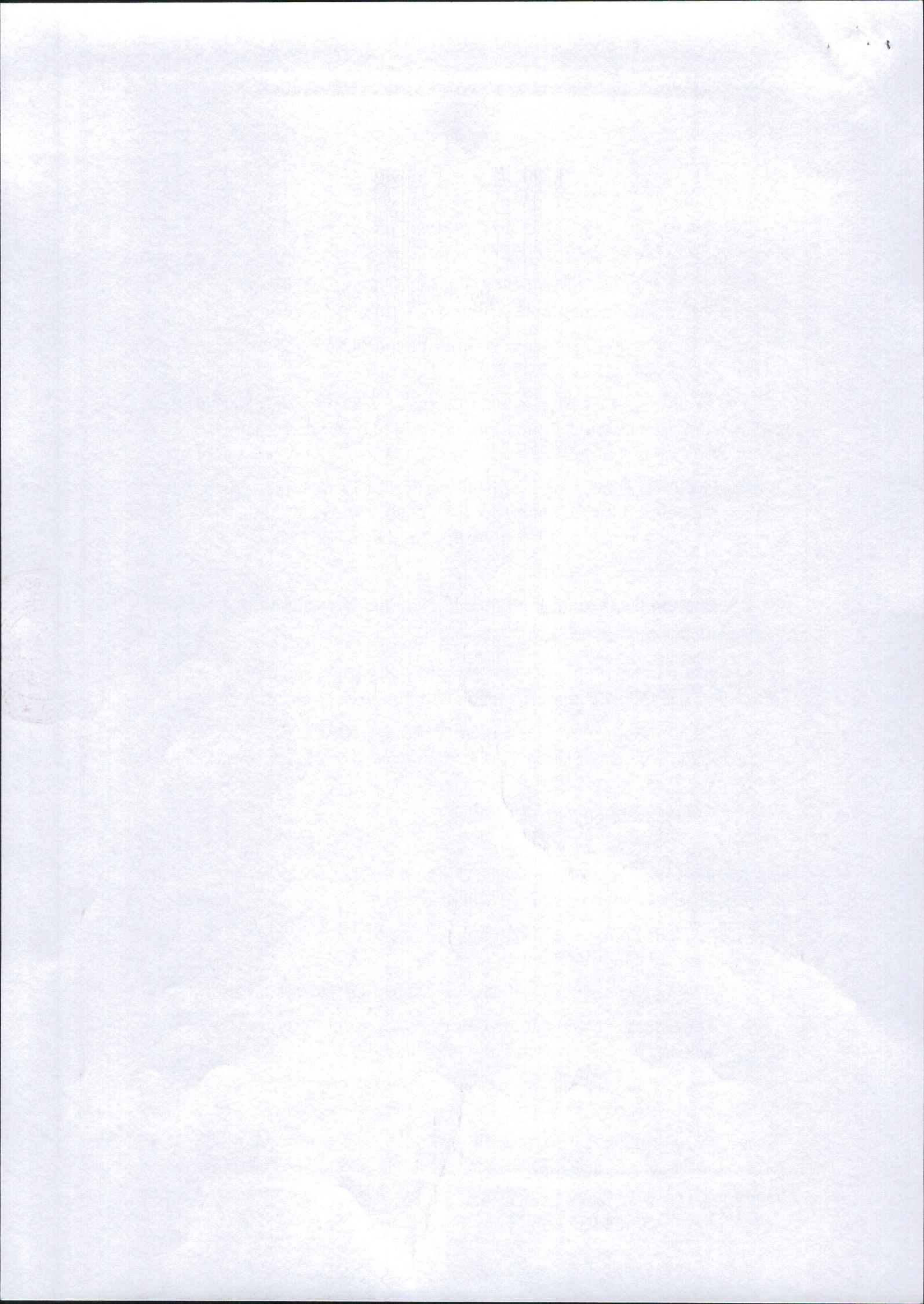
2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.





2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam:

1. Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài (*thông qua phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố*) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Tiên Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Văn phòng HĐND và UBND thành phố chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên Công thông tin điện tử thành phố.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Tiên Hưng;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- LĐVP, CV: KT, MC;
- Lưu: VT. *am*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hồng Khang



1981/10/10/10/10

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **351/GPMT-UBND**

ngày **03** tháng **6** năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại nhà máy với lưu lượng 22,5 m³/ngày. Lượng nước này sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty, công suất 55 m³/ngày. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu Công nghiệp Đồng Xoài III (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất từ hoạt động sản xuất phát sinh từ quá trình xả đáy lò hơi, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, xử lý bụi sơn, mài bóng và làm mát, giải nhiệt với lưu lượng 13,48 m³/ngày được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải của Công ty, công suất 55 m³/ngày. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu Công nghiệp Đồng Xoài III (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Đồng Xoài III, không xả ra môi trường). Đã có Biên bản thỏa thuận đầu nối nước thải giữa Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Bình Phước (Chủ đầu tư hạ tầng khu Công nghiệp Đồng Xoài III và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) về đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp ngày 05/12/2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa trên đường giao thông nội bộ và từ các nhà xưởng sẽ được thu gom bằng các cống thoát nước bê tông cốt thép D300mm, D400mm và D600mm độ dốc 0,5%. Nước mưa sau khi được thu gom tại dự án

sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu Công nghiệp Đồng Xoài III bằng đường ống BTCT có đường kính D600mm.

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ. Mạng lưới thoát nước thải được thiết kế thoát nước riêng biệt, nước thải sau khi được thu gom vào các cống PVC đường kính D200 mm, D220 mm và D250 mm độ dốc 0,5%. Sau khi qua hệ thống xử lý, công suất 55m³/ngày sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Đồng Xoài III có toạ độ X(m): 1.272.514; Y(m): 567.821 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy, công suất 55m³/ngày → Đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu Công nghiệp Đồng Xoài III.

- Công suất thiết kế:

+ Tổng dung tích 08 bể tự hoại 03 ngăn: 31,7 m³

- Hóa chất sử dụng: không.

- Chế độ vận hành: liên tục.

1.2.2. Nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất → Mương tách vẩn sơn/cặn → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể chứa → Bồn lọc → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu Công nghiệp Đồng Xoài III.

- Công suất thiết kế: 55 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: NaOH hoặc H₂SO₄, PAC, Polyme, Clorine.

- Chế độ vận hành: liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

a. Hàm tự hoại: Định kỳ bơm hút bùn từ bể tự hoại (6 ÷ 8 tháng/lần). Thường xuyên đi kiểm tra các đường ống thông hơi, bộ phận lọc của bể tự hoại. Nếu bị tắc nghẽn đường ống thì sử dụng các chế phẩm sinh học chứa vi khuẩn đặc biệt có khả năng loại bỏ sự tắc nghẽn trong bể tự hoại, bộ phận lọc, hệ thống ống nước và loại bỏ mùi hôi nồng nặc.

b. Hệ thống xử lý nước thải: Sử dụng các nguyên vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn; Lập kế hoạch bảo hành định kỳ các thiết bị máy móc và đối với những công trình quan trọng cần có thiết bị dự phòng; Trang bị các thiết bị máy móc dự phòng để khắc phục sự cố; đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước

thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; Định kỳ 03 tháng 01 lần lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý; Công ty thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước thải, hạn chế sự cô rò rỉ hoặc chảy tràn nước thải do vỡ đường ống; Thành lập tổ chuyên trách về vận hành, kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố: Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và tạm ngừng hoạt động: Tuyệt đối không xả nước thải nhiễm bẩn vào hệ thống thu gom chung của khu Công nghiệp. Nước thải sẽ được thu gom về bể chứa. Khi có sự cố ngừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, dự án sẽ ngưng các hoạt động phát sinh nước thải từ nhà máy; kịp thời kiểm tra và thay thế các chi tiết hoặc thiết bị hư hỏng, đảm bảo duy trì chế độ vận hành thường xuyên của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải của công ty, công suất 55 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại bể khử trùng trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải của khu Công nghiệp Đồng Xoài III.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu Công nghiệp Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B). Cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5 – 9
2	TSS	mg/l	100
3	COD	mg/l	150
4	BOD ₅	mg/l	50
5	Tổng Nitơ	mg/l	40
6	Tổng Photpho	mg/l	6
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
8	Amoni	mg/l	10
9	Coliforms	MPN/100ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ

thê: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng khu Công nghiệp Đồng Xoài III, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, bao gồm các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục sự cố.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 351/GPMT-UBND
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi và hơi dung môi từ dây chuyền ép nhựa
- Nguồn số 02: Khí thải từ buồng phun sơn UV số 1.
- Nguồn số 03: Khí thải từ buồng phun sơn UV số 2.
- Nguồn số 04: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN-2000: Kinh tuyến: 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ dây chuyền ép nhựa (Nguồn số 1)	1.272.793	567.893
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 1 (Nguồn số 2)	1.272.713	567.893
3	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 2 (Nguồn số 3)	1.272.792	567.907
4	Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (Nguồn số 4)	1.272.742	568.025

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam, địa chỉ tại Lô 48, 60, 61, 62 Cụm A3, khu Công nghiệp Đồng Xoài 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất 30.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải lớn nhất 60.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả thải lớn nhất 40.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả thải lớn nhất 32.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $k_p = 0.9$ và $k_v = 1,0$), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn giá trị cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền ép nhựa (dòng khí thải số 01)	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		Vinylclorua	mg/Nm ³	20		
		Styren	mg/Nm ³	100		
		Butadiene	mg/Nm ³	2.200		
2	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 1 (dòng khí thải số 02)	Lưu lượng	m ³ /h	-		
		Bụi	mg/Nm ³	180		
		Etyl Axetate	mg/Nm ³	1.400		
		Butyl acetate	mg/Nm ³	950		
3	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 2 (dòng khí thải số 03)	Lưu lượng	m ³ /h	-		
		Bụi	mg/Nm ³	180		
		Etyl Axetate	mg/Nm ³	1.400		
		Butyl acetate	mg/Nm ³	950		
4	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (dòng khí thải số 04)	Lưu lượng	m ³ /h	-		
		Bụi	mg/Nm ³	180		
		CO	mg/Nm ³	1.000		
		NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
		SO ₂	mg/Nm ³	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý.

- Nguồn số 01: Khí thải từ dây chuyền ép nhựa được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ dây chuyền ép nhựa để xử lý (dòng khí thải số 01).

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ buồng phun sơn UV số 1 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn UV số 1 để xử lý (dòng khí thải số 02).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ buồng phun sơn UV số 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn UV số 2 để xử lý (dòng khí thải số 03).

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi để xử lý (dòng khí thải số 04).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải.

1.2.1. Hệ thống xử lý Bụi và hơi dung môi từ dây chuyền ép nhựa (nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn (nguồn số 02 và số 03):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Buồng phun sơn sử dụng màng nước → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 02 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 60.000 m³/giờ và 40.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, nước.

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi (nguồn số 04):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclon thu bụi → Bể hấp thụ bằng nước → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 32.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước sạch.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành.

- Thiết lập chương trình kiểm tra thích hợp cho hệ thống xử lý khí thải.



- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và giám sát hoạt động của hệ thống, kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị trong hệ thống để kịp thời phát hư hỏng của bộ phận và có phương án sửa chữa thay thế kịp thời, đảm bảo hệ thống luôn được vận hành liên tục xử lý chất thải hiệu quả

- Khi các sự cố xảy ra, nhân viên vận hành và bảo trì tại nhà máy sẽ nhanh chóng đánh giá mức độ hư hỏng. Nếu mức độ hư hỏng nhẹ thì các nhân viên sẽ nhanh chóng khắc phục để hệ thống được hoạt động bình thường, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất. Nếu mức độ hư hỏng nặng thì nhân viên sẽ thông báo với ban giám đốc nhà máy để liên hệ với đơn vị chức năng đến sửa chữa và khắc phục sự cố. Trong quá trình sửa chữa sẽ không hoạt động công đoạn phát sinh khí thải ô nhiễm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ dây chuyền ép nhựa (dòng khí thải số 01): công suất thiết kế 30.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn UV số 1 (dòng khí thải số 02): công suất thiết kế 60.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn UV 2 (dòng khí thải số 03): công suất thiết kế 40.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi (dòng khí thải số 04): công suất thiết kế 32.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí, tương ứng với 04 ống thoát khí thải của 04 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép: Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, kp = 0,9, kv = 1,0), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý khí thải là 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu

quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **351** /GPMT-UBND
ngày **03** tháng **6** năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng A (ép nhựa lõi mũ bảo hiểm)
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng B (son)
- Nguồn số 03: Khu vực xưởng C (ép nhựa vỏ mũ bảo hiểm)
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ dây chuyền ép nhựa
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 1
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 2
- Nguồn số 07: Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- Nguồn số 08: Khu vực hệ thống xử lý nước thải

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại Lô 48, 60, 61, 62 Cụm A3, khu Công nghiệp Đồng Xoài 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí phát sinh	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực Bình Phước: 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
1	Khu vực xưởng A (ép nhựa lõi mũ bảo hiểm)	1272510	567825
2	Khu vực xưởng B (son)	1272509	567832
3	Khu vực xưởng C (ép nhựa vỏ mũ bảo hiểm)	1272511	567839
4	Khu vực hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ dây chuyền ép nhựa	1272793	567893
5	Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 1	1272713	567893
6	Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn UV số 2	1272792	567907
7	Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi	1272742	568025
8	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1272510	567819

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN

27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn.

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4-6 tháng/lần, các thiết bị cũ là 3 tháng/lần.

Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn

Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn;

Áp dụng biện pháp bọc đỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép.

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên.**

STT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Sơn, cặn sơn thải	Hoạt động sản xuất	936	Lỏng/rắn	08 01 01
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính sơn, mực in	Hoạt động sản xuất	1.400	Rắn	18 01 02
3	Hộp mực in	Hoạt động sản xuất	300	Rắn	08 02 04
4	Mực in	Hoạt động sản xuất	312	Rắn	08 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Hoạt động sinh hoạt, sản xuất	15	Rắn	16 01 06
6	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Vệ sinh máy móc	156	Rắn	18 02 01
7	Dầu nhớt thải	Vệ sinh máy móc	24	Lỏng	17 02 04
8	Pin ắc qui thải	Hoạt động sinh hoạt, sản xuất	15	Rắn	16 01 12
9	Than hoạt tính thải bỏ	Hoạt động xử lý khí thải	12.278	Rắn	12 01 04
10	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Hoạt động xử lý nước thải	900	Bùn	12 06 06
Tổng cộng			16.336		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

STT	Loại chất thải	Công đoạn phát sinh	Khối lượng (tấn/năm)
1	Giấy vụn, bao bì đựng văn phòng phẩm, Thùng catton, bao bì đựng nguyên liệu thải	Hoạt động văn phòng và Công đoạn nhập liệu, đóng gói	1,64
2	Bao bì đóng gói thải (bao bì nhựa)	Công đoạn đóng gói	0,16
3	Phụ kiện hư hỏng	Quy trình sản xuất	1,06
4	Nhựa thải, sản phẩm hư	Quy trình sản xuất	91,55
Tổng cộng			94,404

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi Trường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 400 kg/ngày, tương đương 124,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Dự án bố trí 10 thùng chứa dung tích 60L bằng nhựa HDPE, có dán nhãn.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 16 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rôn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định,...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh. Dự án bố trí 04 bao bì để chứa Chất thải công nghiệp thông thường.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 14 m² để chứa rác thông thường.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách bao quanh, cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển cảnh báo,...



2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng và bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà vệ sinh,...

+ Bố trí 5 thùng đựng rác bằng nhựa dung tích 10 lít có nắp đậy tại khu vực nhà vệ sinh;

+ Bố trí 03 thùng đựng rác bằng nhựa dung tích 60 lít có nắp đậy tại khu vực nhà văn phòng.

+ Bố trí 03 thùng dung tích 120 lít có nắp đậy tại nhà xưởng.

+ Bố trí 02 thùng dung tích 120 lít có nắp đậy tại nhà ăn.

Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom.

b) Kho lưu chứa:

Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu chứa trong các thùng chứa, bao bì đặt xung quanh khu vực xưởng, nhà văn phòng, nhà vệ sinh, cuối ngày được chuyển về khu vực tập trung chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 10m² và được đơn vị có chức năng thu gom CTR sinh hoạt thu gom 01 lần/ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 351/GPMT-UBND
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

1. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thành phố Đồng Xoài, phòng Tài nguyên và Môi trường, trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thành phố Đồng Xoài, phòng Tài nguyên và Môi trường, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Thực hiện các quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định để xử lý; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật liên quan./



